

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2025
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con
chung giữa chị Vũ Thị L và anh
Phạm Văn T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỳ

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lã Ngọc Tiên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Mai Hoàng Hải – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị L, sinh năm 1980; số CCCD: 03618000xxxx; nơi thường trú: Số 27/85 đường Tr, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện tại: Số 28B/34 đường T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

* **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1977; số CCCD: 03607701xxxx; nơi thường trú: Số 27/85 đường Tr, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện tại: Số 28B/34 đường T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Vũ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Vũ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 29-12-1998. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hoà hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra va chạm cãi vã. Vợ chồng có hoà giải nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Chị Vũ Thị L xác nhận, vợ chồng chị có 03 con chung là Phạm Quỳnh Nh, sinh ngày 23-7-2002 (Giới tính: Nữ); Phạm Mai A, sinh ngày 21-11-2004 (Giới tính: Nữ); Phạm Gia H, sinh ngày 20-7-2011 (Giới tính: Nam). Đối với cháu Quỳnh Nh và cháu Mai A đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia H, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị Vũ Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Phạm Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Toà án làm việc nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

3. Cháu Phạm Gia H có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Vũ Thị L.

4. Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ của Toà án, chính quyền địa phương nơi ở hiện tại của anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị L xác nhận: Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị L hiện cư trú tại số 28B/34 đường T, phường Q, thành phố N. Chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T có 03 con chung là Phạm Quỳnh Nh, Phạm Mai A, Phạm Gia H. Quá trình chung sống giữa chị L và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được. Nay chị L có đơn xin ly hôn, nuôi con chung với anh T thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh T chưa tuân thủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị L với anh T. Về con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Phạm Gia H cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị L có đơn xin xử vắng mặt; anh Phạm Văn T đã được tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 29-12-1998 tại UBND phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do nảy sinh nhiều bất đồng, quan điểm hai bên không hoà hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Do không hòa giải được nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện để hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không có mặt, chị L giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử lý hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Vũ Thị L có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, cháu Gia H cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử giao cho chị Vũ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 20-7-2011 (Giới tính: Nam). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận.

[2.3] Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có quan điểm về vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Vũ Thị L phải nộp toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Gia H, sinh ngày 20-7-2011 (Giới tính: Nam).

Chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị L đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002439 ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Vũ Thị L và anh Phạm Văn T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- UBND p. Quang Trung, tp. Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng

